

## CHUYÊN MỤC

## KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

# LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TÔM: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ TÂN DUYỆT, HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

LÊ THANH SANG  
NGUYỄN ĐẶNG MINH THẢO

*Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về liên kết trong sản xuất - tiêu thụ tôm tại một địa bàn nuôi tôm trọng điểm của Tây Nam Bộ, qua đó phản ánh các tính chất điển hình về thực trạng liên kết từ tiếp cận vi mô. Sản xuất quy mô nhỏ, chủ yếu dựa trên quảng canh truyền thống, thiếu quy hoạch và các yếu tố đầu vào bất bênh dẫn đến sự thiếu ổn định cả về sản lượng và chất lượng tôm. Sự yếu kém về nguồn lực của hộ sản xuất và các chủ thể liên kết khác đã hạn chế nhu cầu và khả năng liên kết mang tính bền vững. Quy hoạch cơ sở hạ tầng sản xuất, đặc biệt là nguồn nước để ngăn ngừa dịch bệnh, và kiểm soát chất lượng của các yếu tố đầu vào cần được xem là giải pháp cơ bản để thúc đẩy liên kết.*

## 1. GIỚI THIỆU

Liên kết để thúc đẩy phát triển theo hướng bền vững là một vấn đề cấp bách ở Tây Nam Bộ. Cùng với gạo, cá, và trái cây, tôm là một trong bốn nhóm nông

sản chủ lực của vùng. Trong những năm qua, dù Chính phủ cũng như lãnh đạo các địa phương trong vùng rất khuyến khích và có những chính sách thúc đẩy liên kết, nhưng cho đến nay các hoạt động liên kết nói chung và đối với ngành tôm nói riêng vẫn còn rất hạn chế và chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

Cà Mau là tỉnh đi đầu trong sản xuất - chế biến tôm, trong đó Đầm Dơi là huyện có diện tích nuôi tôm lớn nhất. Xã Tân

---

Lê Thanh Sang. Phó giáo sư tiến sĩ. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Nguyễn Đặng Minh Thảo. Thạc sĩ. Trung tâm Tư vấn Phát triển. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.



Duyệt của huyện Đàm Dơi là địa phương chuyên nuôi tôm với 3 mô hình: công nghiệp, quảng canh cải tiến, và quảng canh truyền thống, có các hoạt động liên kết đang hình thành và bộc lộ nhiều vấn đề trong sản xuất - tiêu thụ cần được giải quyết. Do vậy, địa bàn này cung cấp một trường hợp nghiên cứu có tính điển hình về liên kết phát triển trong sản xuất - tiêu thụ tôm của vùng.

Bài viết phân tích các hoạt động liên kết trong quá trình sản xuất - tiêu thụ tôm của các hộ nông dân với các bên liên quan, chỉ ra các nhân tố tác động đến các hoạt động liên kết và bàn luận về các giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển trong lĩnh vực này từ cách tiếp cận vi mô. Nghiên cứu này do vậy phản ánh các điều kiện tập trung nhất đối với khả năng liên kết tại một địa bàn điển hình về một loại nông sản tiêu biểu của vùng. Các vấn đề và cách giải quyết vấn đề đặt ra ở đây có giá trị tham khảo cho việc hình thành các phương thức liên kết trong vùng.

## 2. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng một phần kết quả khảo sát của dự án *Điều tra cơ bản tổng thể về liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* (Lê Thanh Sang, 2014), trong đó hợp phần nghiên cứu tại Cà Mau được thực hiện năm 2013. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau: báo cáo của các cấp, ngành, tổ chức có liên quan và khảo sát thực địa tại xã Tân Duyệt. Nhóm nghiên cứu cũng đã phỏng vấn chiến lược đối với lãnh đạo địa phương, Chi cục Nuôi trồng Thủy sản, Hội Nông dân, và các tổ chức

liên quan khác từ cấp tỉnh đến cơ sở; khảo sát điển hình 20 hộ nuôi tôm có qui mô tương đối lớn - chủ thể được xem là có khả năng và nhu cầu liên kết hơn so với những hộ sản xuất qui mô nhỏ; phỏng vấn sâu một số doanh nghiệp, thương lái, cơ sở tư nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác; và quan sát-tham dự, vẽ bản đồ mạng lưới liên kết.

Các hoạt động liên kết được phân tích chủ yếu từ hai chiều kích chính là các lĩnh vực liên kết và các bên liên kết. Vì mỗi chủ thể có thể liên quan đến nhiều hoạt động liên kết khác nhau, trong khi liên kết chỉ có thể được hiểu một cách phù hợp nhất khi đặt chúng theo các công đoạn của quá trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, trong nghiên cứu này liên kết được phân tích theo trục các yếu tố đầu vào, các yếu tố trong quá trình sản xuất, và các yếu tố đầu ra của sản phẩm, trong đó hộ nuôi tôm là chủ thể trung tâm trong hoạt động liên kết với các chủ thể liên quan khác.

## 3. ĐẶC ĐIỂM NGHỀ NUÔI TÔM TẠI ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Cà Mau có diện tích tự nhiên là 5331,6km<sup>2</sup>, dân số 1,2 triệu người, phân bố trên 8 huyện và thành phố Cà Mau, gồm 101 xã/phường. Cà Mau có lợi thế lớn trong ngành nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm. Năm 2010, sản lượng tôm nuôi trong toàn tỉnh đạt 103,9 ngàn tấn. Với chiều dài bờ biển 254km và hơn 80 cửa biển lớn, nhỏ, chịu ảnh hưởng chế độ bán nhật triều của biển Đông và nhật triều không đều của biển Tây đã tạo ra một bãi triều rộng lớn ở Mũi Cà Mau, rất phù hợp để phát triển ngành nuôi tôm. Dựa trên lợi thế tự nhiên này, ngành nuôi



tôm ở Cà Mau đã có bước phát triển vượt bậc và đóng góp quan trọng vào giá trị sản lượng tôm toàn vùng. Diện tích nuôi tôm của Cà Mau hiện đứng đầu cả nước, với 266.592ha năm 2010, chiếm gần 20% tổng giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu tôm toàn quốc (Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Dơi, 2013, tr. 16).

Đầm Dơi có chiều dài bờ biển trên 25km, với hệ thống sông ngòi chằng chịt, chịu ảnh hưởng chế độ bán nhật triều của biển Đông, tạo ra vùng sinh thái lợi nhuận rất thích hợp với nghề nuôi tôm. Đầm Dơi có diện tích nuôi tôm lớn nhất tỉnh, đạt 65.584 ha, chiếm 24,7% tổng diện tích nuôi tôm của tỉnh năm 2010. Nuôi tôm quảng canh vẫn là loại hình chủ yếu, trong đó quảng canh truyền thống chiếm đến 98,2%, quảng canh cải tiến và nuôi công nghiệp chỉ đạt 0,3% và 1,5% tương ứng. Năm 2011, mặc dù có thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng nuôi quảng canh truyền thống, tăng tỷ trọng quảng canh cải tiến và nuôi công nghiệp (tương ứng là 94,9%, 2,6% và 2,5%), sản xuất chủ yếu dựa vào tự nhiên vẫn là đặc trưng cơ bản của nghề nuôi tôm hiện nay (Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Dơi, 2013, tr. 17).

Xã Tân Duyệt giáp với thị trấn Đầm Dơi và nằm trên trục đường từ thành phố Cà Mau đến huyện Đầm Dơi nên thuận lợi hơn trong việc kết nối với hai trung tâm đô thị chính này so với nhiều xã khác. Tân Duyệt có diện tích tự nhiên 5.244ha, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản là 4.177 ha, chiếm 79,7% diện tích toàn xã và 6,4% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong huyện Đầm Dơi. Xã có 3.372 hộ với 16.575 khẩu, trong đó sản xuất

nông nghiệp, chủ yếu là nuôi trồng thủy sản, chiếm đến 87,5% tổng số lao động, phản ánh tính chất thuần nông của địa phương. Mức thu nhập khoảng 12,5 triệu đồng/người/năm 2010, đạt mức trung bình so với thu nhập của khu vực nông thôn tỉnh Cà Mau (Ủy ban Nhân dân xã Tân Duyệt, 2011, tr. 6-7).

Tại xã, hiện có 3 mô hình nuôi tôm: Tính đến 9 tháng đầu năm 2013, mô hình nuôi công nghiệp có diện tích 276ha với 312 hộ tham gia, chiếm tỷ trọng 7,4% diện tích và 9,2% hộ nuôi tôm trong toàn xã; mô hình nuôi quảng canh cải tiến có diện tích 275,9ha với 225 hộ tham gia, chiếm tỷ trọng 7,4% diện tích và 6,6% hộ nuôi tôm trong toàn xã; và mô hình nuôi quảng canh truyền thống có diện tích 3.186,6ha với 2.862 hộ tham gia, chiếm 85,2% diện tích và 84,2% hộ nuôi tôm trong toàn xã. Như vậy, mặc dù mô hình nuôi công nghiệp và nuôi quảng canh cải tiến ở đây cao hơn hẳn so với mức trung bình của huyện và tỉnh, mô hình nuôi quảng canh truyền thống vẫn là phổ biến. Ít có sự khác biệt về diện tích nuôi bình quân giữa các mô hình này, lần lượt là 0,9 ha/hộ nuôi công nghiệp, 1,2 ha/hộ nuôi quảng canh cải tiến, và 1,1 ha/hộ nuôi quảng canh truyền thống (Hội Thủy sản xã Tân Duyệt, 2013, tr. 2). Số lao động bình quân trong một hộ nuôi tôm khoảng 3 người, phần lớn là lao động gia đình, chỉ khi nào thực hiện khâu làm đất hoặc thu hoạch thì mới thuê thêm lao động thời vụ, và thường là người trong xã. Với qui mô sản xuất nhỏ, nhu cầu lao động đối với nghề nuôi tôm không lớn, việc sử dụng lao động gần như khép kín trong phạm vi gia đình và xã/ấp.



Sự khác nhau cơ bản giữa 3 mô hình là mức độ đầu tư cho sản xuất. Mô hình quảng canh cải tiến có mật độ nuôi thả thấp, chủ yếu dựa vào môi trường sống tự nhiên, nên đầu tư không đáng kể, nhưng mô hình quảng canh cải tiến và đặc biệt là mô hình công nghiệp có mật độ nuôi thả cao hơn đòi hỏi phải chi phí nhiều hơn cho con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất,... "Với 1ha đất, nếu quảng canh cải tiến thì đầu tư khoảng 15 triệu, nhưng nếu làm 3 hầm nuôi công nghiệp thì phải đầu tư 100 triệu" (Chủ tịch Chi hội Thủy sản xã Tân Duyệt, 2013). Do vậy, năng suất nuôi quảng canh truyền thống chỉ khoảng 200 kg/ha/năm, trong khi nuôi quảng canh cải tiến là 400 kg/ha/năm và nuôi công nghiệp là 5 tấn/ha/năm. Xã đang chuyển hướng sang nuôi tôm thẻ chân trắng với lợi thế là thời gian nuôi ngắn hơn, tạo ra lợi nhuận cao và ổn định hơn cho người nuôi tôm. Hiện tại đã phát triển được 15 hộ tham gia với hơn 17ha. Tôm nuôi đang phát triển tốt, dự kiến thu hoạch đạt hiệu quả cao sẽ nhân rộng thêm (Hội Thủy sản xã Tân Duyệt, 2013, tr. 2).

Cơ sở hạ tầng của Tân Duyệt mặc dù có bước phát triển nhanh nhưng còn nhiều hạn chế so với yêu cầu của ngành nuôi tôm theo hướng hiện đại. Trong tổng số 42,9km đường bộ của xã, chỉ có 4 tuyến đường lộ nhựa cấp V xe ô tô đi lại được, nhưng có đến 42 cây cầu và 13 tuyến đường giao thông nông thôn được bê tông hóa với bề ngang từ 1,5 - 2m, chỉ phù hợp với phương tiện xe máy. Mặc dù hầu hết hộ dân đều có điện sinh hoạt, vẫn chưa có nguồn điện 3 pha phục vụ nuôi tôm công nghiệp. Chưa

xây dựng được hệ thống lấy nước và xả nước tách biệt cho việc nuôi tôm, nên khó kiểm soát hiệu quả việc lây nhiễm khi dịch bệnh xảy ra. Xã Tân Duyệt chưa có chợ, người dân chỉ mua bán cấp các tuyến kênh rạch. Với những nhu cầu lớn hơn, họ phải đi chợ ở thị trấn Đầm Dơi, cách trung tâm xã khoảng 4km. Các yếu tố này làm tăng chi phí, tăng rủi ro trong sản xuất và hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của những hộ nuôi tôm.

Có thể thấy, lợi thế so sánh về môi trường sinh thái tự nhiên chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là một yếu tố cạnh tranh bền vững trong nghề nuôi tôm, đặc biệt là khi phải đối mặt với nhiều rủi ro về ô nhiễm môi trường và kiểm soát dịch bệnh. Trình độ sản xuất thấp có thể dẫn đến nhiều hạn chế trong kỹ thuật nuôi, kiểm soát dịch bệnh, năng suất, chất lượng, hiệu quả, nhu cầu và khả năng liên kết của hộ nuôi tôm, do vậy là những yếu tố cần phải tính đến khi nghiên cứu về liên kết phát triển.

#### 4. CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT - TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Các hoạt động liên kết có thể theo chiều ngang giữa các hộ nuôi tôm với nhau trong các công đoạn sản xuất và theo chiều dọc giữa hộ nuôi tôm với các chủ thể cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra của chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm.

##### 4.1. Liên kết giữa các hộ nuôi tôm

Xã Tân Duyệt hiện có 2 hợp tác xã và 15 tổ hợp tác. Hợp tác xã nuôi tôm công nghiệp ấp Tân Long có 80 hộ tham gia, vốn tự có 36 triệu đồng, diện tích nuôi 84 ha, và hoạt động yếu. Hợp tác xã Đoàn



Kết ấp Tân Long có 55 hộ tham gia, vốn tự có 80 triệu đồng, diện tích nuôi 13,9ha theo cả 3 mô hình: công nghiệp, quảng canh cải tiến và quảng canh truyền thống. Cả 3 mô hình này đều hoạt động có lãi. Trong số 15 tổ hợp tác có 8 tổ nuôi tôm công nghiệp với 210 hộ trên diện tích 189ha và 7 tổ nuôi tôm quảng canh cải tiến với 283 hộ trên diện tích 256,9ha. Trong số 15 tổ hợp tác, chỉ có 2 tổ được đánh giá khá, 7 tổ trung bình, và 6 tổ kém. Trên toàn xã, diện tích nuôi tôm công nghiệp ngoài hợp tác xã và tổ hợp tác là 13ha và diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến là 19ha. (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi, 2013). Như vậy, hầu hết diện tích nuôi tôm công nghiệp và quảng canh cải tiến đều do hợp tác xã hoặc tổ hợp tác điều phối, trong khi hầu hết các hộ cá thể nuôi tôm quảng canh truyền thống. Tính chung trên toàn xã, các hợp tác xã chiếm khoảng 2,6% diện tích nuôi tôm và 4% số hộ nuôi tôm, các tổ hợp tác chiếm 13,2% diện tích nuôi tôm và 13,1% số hộ nuôi tôm, trong khi 84,2% diện tích nuôi tôm và 82,9% số hộ nuôi tôm còn lại là các hộ nuôi tôm cá thể.

Theo chủ trương của tỉnh về việc thúc đẩy các hoạt động liên kết giữa các hộ nuôi tôm, 2 hợp tác xã đã được thành lập từ năm 2010 và 15 tổ hợp tác được thành lập trong các năm 2012 và 2013, tập trung chủ yếu vào 2 mô hình đầu tư chiều sâu là nuôi công nghiệp và nuôi quảng canh cải tiến, một phần là nuôi quảng canh truyền thống. Để tạo điều kiện ban đầu cho các mô hình hợp tác này hoạt động, các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên đã có một số chính sách

hỗ trợ trên nhiều phương diện, nhằm thu hút các hộ nuôi tôm tham gia hợp tác.

Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của các mô hình liên kết cho thấy: Khi mới thành lập, hợp tác xã chưa nuôi tôm công nghiệp, chỉ có nuôi quảng canh truyền thống, theo thời gian thấy nuôi tôm quảng canh cải tiến có hiệu quả, cơ quan quản lý thủy sản tỉnh mới đầu tư một khoản vốn, thức ăn, men vi sinh để hợp tác xã nuôi quảng canh cải tiến. Khoảng 1 năm sau, thấy hợp tác xã hoạt động có hiệu quả thì một số hộ nuôi tôm mới xin gia nhập vào. Ở ấp Tân Long có một nhóm nuôi tôm công nghiệp riêng, sau này khi hợp tác xã được phép mở rộng, hộ nào có nhu cầu thì vào hợp tác xã, có thể nuôi công nghiệp, nuôi quảng canh cải tiến hoặc quảng canh truyền thống. Trong quá trình sản xuất thì mỗi hộ tự canh tác, nếu thiếu lao động thì có thể điều phối giữa các hộ trong hợp tác xã hoặc tổ hợp tác.

Lợi ích đầu tiên mà các hộ xã viên được hưởng lợi là có nhiều cơ hội tiếp nhận khoa học công nghệ và qui trình kỹ thuật mới. Các lãnh đạo địa phương cho biết: Khi tham gia hợp tác xã, xã viên được tập huấn nuôi tôm đúng kỹ thuật, nuôi tôm sạch, không sử dụng hóa chất gây hại, và cách xử lý nước đầm. Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư của Liên minh Hợp tác xã phối hợp với Chi cục Nuôi trồng Thủy sản của tỉnh tập huấn khoảng 3-4 tuần/lần, mỗi lần 2 tiếng đồng hồ cho tất cả các xã viên hoặc cho Ban chủ nhiệm rồi truyền lại cho xã viên nếu triển khai mô hình mới. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng tổ chức tập huấn định kỳ khoảng 2-3 tuần/lần, khi có



chương trình mới như cách sử dụng hóa chất, đại diện hợp tác xã được mời tham dự để sau đó truyền đạt lại cho nhiều xã viên khác. Năm 2012, Trung tâm Ứng dụng Khoa học - Công nghệ Cà Mau thực nghiệm mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến năng suất cao tại ấp Tân Long, xã Tân Duyệt để các hộ xã viên học tập. Quy trình nuôi tôm sạch theo VietGAP, quy trình ABC cũng được giới thiệu, khoảng 3-4 tuần thì cán bộ kỹ thuật xuống ruộng tôm tập huấn một lần về quy trình nuôi tôm sạch. Các yêu cầu đặt ra là bùn bã không được đổ ra sông để hạn chế khả năng gây ô nhiễm và lây lan bệnh dịch, đồng thời nuôi công nghiệp phải tránh sử dụng các loại hóa chất mà Nhà nước nghiêm cấm để có được tôm sạch, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Phòng Tài nguyên Môi trường chịu trách nhiệm xử lý xã viên nuôi tôm công nghiệp mà vi phạm. Phòng Tài nguyên Môi trường và Sở Tài nguyên Môi trường thường xuyên phối hợp kiểm tra đột xuất, nếu ấp nào bị phạt thì tỉnh sẽ xử lý huyện. Quy định này có tính ràng buộc nhưng người dân cũng có quyền lợi trong việc xử lý nước trước khi xả ra ngoài theo đúng quy trình kỹ thuật. Khi tôm bị dịch bệnh thì cơ quan thú ý sẽ cấp thuốc xử lý và hướng dẫn quy trình kiểm soát dịch bệnh. Như vậy, việc tham gia hợp tác xã đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao kiến thức và kỹ năng nuôi tôm và bảo vệ môi trường cho các hộ xã viên. Đây là lợi ích lớn nhất mà nhiều hộ đánh giá cao khi họ tham gia vào hợp tác xã và tổ hợp tác nuôi tôm. Tuy nhiên, việc giám sát và xử phạt được thực hiện như thế nào trên thực tế thì còn phải có sự xác nhận của

những hộ nuôi tôm. Một khi đề ra nhưng không thực hiện được sự chế tài này thì không thể kiểm soát được dịch bệnh, bảo vệ môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Hộ xã viên được hưởng một số ưu đãi về tài chính và cơ sở vật chất. Khi tham gia hợp tác xã, các xã viên có nghĩa vụ đóng góp kinh phí để các thành viên sử dụng theo hình thức quay vòng. Điều này có thể giúp giải quyết phần nào khó khăn về nguồn vốn sản xuất. Khi xã viên nào làm đơn xin ra khỏi hợp tác xã thì sẽ được hoàn trả lại khoản kinh phí đóng góp này. Hơn nữa, hợp tác xã cũng được ưu tiên vay tín dụng cho các xã viên của mình từ các nguồn vốn ưu đãi có lãi suất thấp như Ngân hàng Chính sách và Liên minh Hợp tác xã. Hợp tác xã sẽ làm đại diện vay vốn và phân phối lại cho các xã viên theo nhu cầu và điều kiện cho phép. Mức cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách là từ 10 - 30 triệu/hộ tùy theo quy cách làm ăn, và chỉ dành cho hộ nuôi tôm trực thuộc hợp tác xã. Ngoài ra, tỉnh cũng hỗ trợ các chi phí khi triển khai những mô hình thí điểm tại các hợp tác xã. Các đầu tư về quy hoạch sử dụng đất, hệ thống thủy lợi, cầu đường, và các cơ sở vật chất khác cũng dành ưu tiên hơn cho các hợp tác xã. Vừa qua, tỉnh có trợ cấp thức ăn, men vi sinh, vôi, hóa chất... miễn phí đối với 16 hộ xã viên nuôi thử nghiệm quảng canh cải tiến. Chương trình thí điểm vừa mới kết thúc này rất thành công (diện tích canh tác chỉ 3.000 - 4000m<sup>2</sup> nhưng đạt doanh thu 100 triệu đồng). Như vậy, mặc dù ở mức độ thấp hơn, việc quay vòng vốn đóng góp của xã viên, việc sử dụng



các nguồn vay ưu đãi nhỏ với lãi suất thấp, và một số hỗ trợ vật chất đối với các đối tượng tập trung, các mô hình thí điểm cũng mang lại lợi ích cho những hộ tham gia hợp tác, mặc dù còn rất khiêm tốn và chưa đáp ứng được các yêu cầu về vốn của hộ sản xuất.

Hộ xã viên có tiềm năng và lợi thế tiếp cận thị trường hơn so với hộ cá thể nhờ vai trò của hợp tác xã và tổ hợp tác. So với các lợi ích vừa nêu thì lợi thế này chưa phát huy đáng kể trên thực tế nhưng là một tiềm năng có thể phát huy. Đặc biệt là khi quá trình tiếp cận thị trường này luôn gắn với chuyển giao kỹ thuật, qui mô và chất lượng sản phẩm, có sự kết hợp giữa các chủ thể hộ nuôi tôm, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức khoa học công nghệ. Đây là một xu hướng liên kết có thể mang lại hiệu quả trên cơ sở đáp ứng các lợi ích thiết thực của các chủ thể liên kết chính là hộ nuôi tôm và doanh nghiệp. Một ví dụ điển hình là hiện nay dự án WF (Đan Mạch), một tổ chức phi chính phủ, chuyên tập huấn về nuôi tôm sạch, không dùng các hóa chất bị cấm sử dụng, đang mở rộng trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Dự án này kết hợp với Công ty Phú Cường, chuẩn bị ký hợp đồng mua tôm sạch tại Hợp tác xã Đoàn Kết. Ủy ban Nhân dân tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm trung gian ký kết với WF để theo dõi và giám sát quá trình thực hiện hợp đồng. Nếu xét nghiệm mẫu tôm không sạch bắt nguồn từ hộ nuôi tôm (có ghi nhật ký rõ ràng để biết các nguyên nhân là do đâu) thì hộ nông dân chịu trách nhiệm, nhưng nếu nông dân bán tôm sạch mà bị trả lại

thì Công ty Phú Cường chịu trách nhiệm. Dự án WF còn tài trợ 1 bộ thiết bị để kiểm tra mật độ của tôm, tự động chạy và tự động ngắt, đã lắp được 2-3 năm nay. Đây là chương trình tài trợ điển hình, nếu hoạt động tốt thì sẽ triển khai rộng cho xã viên. Điều này cho thấy, để đảm bảo hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong liên kết cần có các hợp đồng rõ ràng với sự trợ giúp của chính quyền, tổ chức khoa học công nghệ, và cả thiết bị phù hợp để đảm bảo việc tuân thủ và chế tài nếu vi phạm hợp đồng.

Hợp tác xã có thể liên hệ bán tôm cho công ty nhưng nếu thu hoạch lẻ tẻ khoảng 5-10 hộ thì hợp tác xã cũng cho phép các xã viên có thể tự bán cho thương lái theo giá cả thỏa thuận với hợp tác xã, rồi sau đó mới chia lại cho các xã viên. Phương thức này có tính linh hoạt, vừa cá thể vừa tập thể để phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ và thu hoạch phân tán, nhưng dù bán cho thương lái thì vẫn thông qua hợp tác xã chứ không phải tự làm riêng như kiểu tư nhân.

Như vậy, tham gia vào hợp tác xã sẽ tạo điều kiện cho nông dân dễ dàng học tập, trao đổi kinh nghiệm, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế dịch bệnh thông qua sự phối hợp cộng đồng. Họ cũng nhận được sự quan tâm của Nhà nước trong việc đầu tư các dự án chuyển giao khoa học - kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, vốn... "Việc liên kết giữa các nông hộ với nhau có rất nhiều lợi ích cụ thể bởi nuôi tôm là một nghề có nhiều rủi ro. Sự liên kết giữa bà con lại với nhau trước là có thể cùng nhau học hỏi qua lại, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ về vốn cho nhau qua hình



thức sử dụng nguồn vốn xoay vòng trong tổ hợp tác. Tuy chưa mang lại một lợi ích nào đáng kể từ việc liên kết trong tổ hợp tác của mình nhưng cái mà tôi có được là một tập thể anh em thường xuyên trao đổi kỹ thuật với nhau thôi” (Tổ trưởng tổ hợp tác ấp Tân Thành). Chủ nhiệm Hợp tác xã Đoàn Kết nhận định: “Vào hợp tác xã là rất tốt. Tuy nhiên quan niệm của người dân về hợp tác xã bị ảnh hưởng từ mô hình hợp tác xã nông nghiệp trước đây, đến bây giờ nhiều người vẫn không muốn vào hợp tác xã mà chỉ muốn làm ăn độc lập”. Từ cách nhìn của nông dân, hầu hết các ý kiến đều nhất trí rằng lợi ích thấy rõ nhất khi vào hợp tác xã và tổ hợp tác là tiếp cận được các kiến thức và kỹ thuật nuôi tôm mới, chia sẻ kinh nghiệm với nhau và trong chừng mực nào đó là được hỗ trợ vốn, mặc dù không đáng kể. Tuy nhiên, nông dân vẫn chưa thấy các lợi ích rõ rệt khi tham gia hợp tác xã và tổ hợp tác, vì hoạt động của các mô hình này chưa mang lại hiệu quả đáng kể trong khi họ phải chịu sự ràng buộc và mất đi sự tự chủ của mình. Trong 2 hợp tác xã thì 1 khá, 1 yếu; trong 15 tổ hợp tác thì chỉ có 2 khá, 7 trung bình, và 6 yếu. Các hộ nuôi tôm cho rằng khi nào hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả thì họ sẽ tham gia. Đây là một quan niệm hết sức thực tế và hợp lý.

#### 4.2. Liên kết giữa hộ nuôi tôm với các chủ thể khác

Các mối liên kết không chỉ giữa các hộ nuôi tôm với nhau, mà còn giữa hộ nuôi tôm với các chủ thể cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, liên quan đến các cơ sở tư nhân, thương lái và doanh nghiệp.

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 20 hộ nuôi tôm có qui mô tương đối lớn trong xã và các mạng lưới liên kết của họ bằng nhiều công cụ khác nhau. Có 12 hộ thuộc loại hình cá thể, 3 hộ gia nhập hợp tác xã, và 5 hộ tham gia tổ hợp tác. 20 hộ nuôi tôm trên sở hữu 27 thửa đất, bình quân 1 thửa là  $25.389m^2$ , nằm trong địa bàn xã và đang sản xuất 2 vụ tôm/năm. Phần lớn các hộ sản xuất không tham gia vào hiệp hội nghề nghiệp nào.

Mua sắm công cụ sản xuất: Công cụ sản xuất chính đối với nghề nuôi tôm là máy bơm nước và ghe/xuồng - phương tiện chuyên chở hàng hóa đặc trưng của vùng sông nước Cà Mau. Các loại phương tiện/máy móc thường được các hộ sản xuất mua từ các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh/huyện và các cơ sở cá thể trong huyện, thậm chí một ít còn mua từ các hộ kinh doanh trong xã. Các ghi nhận từ thực địa cho thấy, cũng tùy loại phương tiện/máy móc, tùy điều kiện hộ gia đình mà họ quyết định mua ở đâu, và họ cho rằng việc mua ở đâu không còn khó khăn vì hiện nay cơ sở hạ tầng thông thoáng, đường bộ, đường thủy tại địa bàn xã đều đang phát triển.

Cung cấp con giống: Con giống đóng vai trò quan trọng trong sản xuất. Tại thị trấn Đầm Dơi có các cơ sở sản xuất tôm giống để cung cấp cho nông dân trong vùng. Ngoài việc sử dụng con giống tại huyện Đầm Dơi, người dân trong xã còn sử dụng con giống từ các nơi khác trong tỉnh và ngoài tỉnh như Bạc Liêu, Bến Tre, Cần Thơ, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên. Với nguồn tôm giống từ các tỉnh Nam Trung Bộ, dù xa nhưng việc giao dịch cũng khá thuận lợi. Hộ nuôi tôm







với chất lượng của những nguyên liệu này, về độ tin cậy trong các nội dung quảng cáo, giới thiệu của sản phẩm... Đối với những cơ sở tư nhân ở địa phương được xem là tầm cỡ, uy tín mà nhiều người nuôi tôm trong vùng vẫn hay mua thì anh vẫn không có sự tin tưởng, bởi theo anh vì mức hoa hồng mà nhà cung cấp dành cho, họ có thể không quan tâm đến chất lượng thực sự của sản phẩm bán cho bà con nông dân. Nếu có sự cố xảy ra thì thiệt hại vẫn nằm về phía người nông dân. Mỗi quan hệ này có lợi cho các doanh nghiệp cung ứng vật tư hơn là nông dân. Phó Chủ tịch Hợp tác xã Đoàn kết nhận định: “Các công ty bán giống, bán thức ăn, bán chế phẩm sinh học tổ chức tập huấn tận vùng nuôi. Các quy trình này đều hướng người nuôi đến việc sử dụng sản phẩm của họ càng nhiều càng tốt nên tình trạng lạm dụng thuốc, hóa chất rất phổ biến, làm ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm”.

Hiện nay, từ con giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, đến môi trường nước vẫn đang ở trong tình trạng bấp bênh và trôi nổi. Chưa có cơ chế liên kết hiệu quả nào giữa các “nhà” để bảo đảm con giống, nguồn thức ăn, thuốc thú y thủy sản, môi trường nước đạt chất lượng để nhà nông yên tâm sản xuất theo hướng bền vững. Hiện nay, phần lớn các hộ nuôi vẫn phải tự mày mò, tự xử lý các vấn đề từ con giống đến nguồn nước khi gặp sự cố. Một hộ nuôi ở ấp Tân Thành, đang nuôi theo mô hình quảng canh cải tiến cho rằng: “Người nuôi không làm chủ được nguồn cung cấp. Người nông dân không thể biết được chất lượng con

giống nếu chỉ nhìn ở vẻ ngoài. Thậm chí, các cơ sở có uy tín, có thương hiệu nhưng cũng chưa tạo cho nông dân sự an tâm về chất lượng tôm giống, sự rủi ro còn cao”. Về tình trạng ô nhiễm nguồn nước thì anh đánh giá: “Sự quản lý của Nhà nước trong việc kiểm soát nguồn nước thải từ mô hình nuôi công nghiệp ở địa phương là còn kém. Kém là do việc đề ra luật thì có nhưng việc thi hành luật thì không”. Anh dẫn chứng trong trường hợp một hộ nào đó nuôi tôm bị dịch bệnh chết, để tận thu những gì còn lại, không có cách nào hơn là họ phải thải nước ở ruộng mình ra trực tiếp ngoài môi trường và/hoặc sau đó sên vét ao để làm vệ sinh rồi cũng đổ trực tiếp bùn nước ra xung quanh. Tuy có luật và có xảy ra vài sự cố lây nhiễm cho những hộ dân xung quanh nhưng chưa thấy một ai bị xử lý theo luật. Theo anh thì bên cạnh việc không xử lý được, sự hỗ trợ từ phía Nhà nước đối với những hộ nuôi bị dịch bệnh là không đáng kể (như được hỗ trợ chất clo để xử lý ao) so với sự lỗ lã mà hộ phải gánh chịu. Thêm vào đó, sự trợ giúp xử lý là quá chậm so với tiến độ lây lan dịch bệnh do phải qua một quá trình hành chính rườm rà (báo cáo → kiểm nghiệm → báo cáo → có kết quả → xuống địa bàn kiểm tra → cấp clo cho dân có yêu cầu xử lý/cán bộ xuống xử lý), cho nên hộ bị sự cố phải tự mình xử lý trước, và việc đổ trực tiếp nước không qua xử lý từ ao mình ra ngoài là cách phổ biến mà hộ nuôi tôm thường làm để giảm thất thu. Thực tế là khi gặp sự cố dịch bệnh, ít có người dân nào báo cáo với chính quyền mà tự xử lý là chính.



Dịch vụ thu mua: Trừ hợp tác xã và tổ nuôi tôm công nghiệp với qui mô lớn có thể bán sản phẩm cho doanh nghiệp, hầu hết hộ nuôi tôm đều bán sản phẩm cho thương lái ở trong xã hoặc ở thị trấn và các xã lân cận. Thương lái thường đến tận ao để mua. Ấp nào cũng có 1-2 thương lái, các thương lái này đến thời gian gần thu hoạch thì thường dạo quanh bờ mỗi trước, hoặc đề xuất giá trước, có hộ thì sử dụng mỗi thương lái đã từng làm ăn với mình lâu năm, có hộ thì sử dụng mỗi thương lái nào đến đề nghị giá cao hơn.

Hiện nay, có các hình thức mua bán tôm trên địa bàn như sau: (1) Hộ nuôi thuộc xã viên của hợp tác xã có thể được hợp tác xã đứng ra trao đổi mua bán với các doanh nghiệp/công ty lớn theo hợp đồng và kèm theo điều kiện ràng buộc về quy chuẩn sản phẩm. Giá cả cuối cùng phải được tất cả các xã viên trong hợp tác xã đồng ý. (2) Hộ nuôi thuộc xã viên của hợp tác xã nhưng cũng có thể bán cho thương lái, nếu thấy giá cả của thương lái đề nghị cao. (3) Hộ nuôi bán trực tiếp ở chợ thị trấn Đầm Dơi. (4) Hộ nuôi bán cho các cơ sở thu mua cố định tại địa bàn xã/ấp. (5) Hộ nuôi bán trực tiếp cho các thương lái lưu động trong xã/ấp và ngoài xã.

Hoạt động tiêu thụ sản phẩm hiện nay chủ yếu thông qua thương lái và người sản xuất chỉ biết thương lái. Họ cho rằng thương lái ép giá họ trong mọi hoàn cảnh nhưng ngược lại trong mọi hoàn cảnh thì thương lái lại giúp họ tiêu thụ sản phẩm. Người sản xuất hiện nay, tuy không còn thụ động như trước nhưng cơ hội để họ tiếp cận trực tiếp với công ty thu mua, xí

ngiệp chế biến vẫn còn rất hạn chế. Một phần là do họ không đủ điều kiện về pháp lý để tiếp cận với công ty, xí nghiệp. Hộ nuôi theo mô hình công nghiệp kết hợp cải tiến ở ấp Tân Thành cho rằng: “Người dân mặc dù có biết nơi thu mua nhưng vẫn không tiếp cận được doanh nghiệp đó, do doanh nghiệp đòi hỏi người dân phải có hóa đơn đỏ khi bán tôm cho họ. Nhưng người dân thì không thể có được hóa đơn đỏ do số lượng bán nhỏ lẻ. Tình trạng hiện nay là hầu như xí nghiệp chế biến chỉ mua tôm qua các doanh nghiệp thu mua. Do đó, cho dù người dân biết chỗ bán, đem tới đó nhưng họ vẫn không mua. Mạng lưới tư thương hiện nay rất nhiều: một mặt giúp người dân thuận lợi trong khâu đầu ra nhưng mặt khác trên thực tế giá cả đang bị mạng lưới này thao túng. Bởi người dân không tiếp cận được trực tiếp với doanh nghiệp, chỉ biết bán cho lái. Mà giá cả thì đều được các thương lái thống nhất với nhau, ép giá người dân”.

Tuy nhiên, đây là mối hợp tác dựa trên nguyên tắc “thuận mua vừa bán” trong nền sản xuất nhỏ, phân tán. Phó Chủ tịch Hợp tác xã Đoàn Kết cho rằng “thương lái không ép được, vì trước khi thu tôm thì hợp tác xã cũng như hộ nuôi liên hệ với một số công ty như Phú Cường, Quốc Việt, Alpha,... để dò giá, nơi nào được giá, uy tín thì bán. Ép giá chỉ xảy ra trong trường hợp cung vượt quá cầu”. Hơn nữa, với qui mô sản xuất nhỏ và thu hoạch không đồng bộ như hầu hết các hộ nuôi tôm quảng canh truyền thống hiện nay (mỗi lần 2-3kg tôm vào những thời điểm khác nhau) thì không thể bán cho các công ty và bán



giá cao được. Qui mô, chất lượng, và sự tập trung của sản phẩm là những yếu tố hàng đầu quyết định giá bán trên thị trường, nhưng các nguồn cung cấp tôm hiện nay của hộ không đáp ứng cả ba yếu tố có tính quyết định đối với giá cả này.

Chính sách bảo hiểm: Để hạn chế những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 315/QĐ-TTg thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 tại 21 tỉnh, thành phố. Quyết định này đang được hàng triệu nông dân kỳ vọng, giúp bà con chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Qua 2 năm thí điểm, một số người nuôi tôm ở xã bắt đầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp từ khoảng năm 2013 do xã vận động trên tinh thần tự nguyện, nhưng đa số nông dân vẫn chưa mặn mà với bảo hiểm nông nghiệp. Nguyên tắc khi tham gia bảo hiểm nông nghiệp là nông dân trích một phần lợi nhuận gửi công ty bảo hiểm để đề phòng trường hợp rủi ro nhưng phần lớn nông dân không hiểu được lợi ích này. Ngoài ra, công tác chi bồi thường bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân còn chậm, thậm chí có trường hợp kéo dài tới 6 tháng thay vì chỉ 1 tháng theo hợp đồng, làm thiệt thòi quyền lợi và khiến nhiều người dân không có tiền đầu tư cho vụ sau. Tổ trưởng Tổ hợp tác ấp An Thành cho biết "bảo hiểm đòi hỏi phải có mẫu xét nghiệm của Chi cục Thú y hay Phòng Thú y huyện thì mới bồi thường thiệt hại. Nhưng, hiện tại bảo hiểm vẫn chưa chi trả đầy đủ cho các trường hợp bị sự cố, và sự chi trả là không bao nhiêu so với

thiệt hại của người nuôi". Anh cho biết, theo hợp đồng bảo hiểm mà anh đã ký với Công ty Bảo Minh Cà Mau thì sau khi thông báo cho bên bảo hiểm tôm bệnh với đầy đủ thủ tục giấy tờ hợp lệ, bên bảo hiểm sẽ tiến hành chi trả bồi thường trong vòng 1 tháng. Tuy nhiên, từ tháng 4/2013 anh đã thông báo tôm bị bệnh với đầy đủ thủ tục giấy tờ cần thiết nhưng cho tháng 11/2013 (thời điểm khảo sát) vẫn chưa nhận được tiền từ bảo hiểm nông nghiệp dù đã trực tiếp đi đến đó nhiều lần.

## 5. MỘT SỐ NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Các kết quả phân tích trên cho thấy, mặc dù có lợi thế so sánh về môi trường sinh thái tự nhiên, nghề nuôi tôm ở xã Tân Duyệt đang đối mặt với nhiều thách thức để phát triển bền vững do các hạn chế về nguồn lực của hộ nuôi, thể chế hỗ trợ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, và các đối tác trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm. Các hạn chế trên làm giảm nhu cầu và khả năng liên kết, dẫn đến mối liên kết lỏng lẻo giữa các hộ nuôi tôm cũng như giữa họ với các chủ thể liên quan, và là trở ngại lớn nhất trong việc xây dựng các mạng lưới liên kết bền vững. Mặc dù các cấp chính quyền đã rất nỗ lực để thúc đẩy các hoạt động liên kết, các nỗ lực này không thể thành công nếu không cải thiện được các điều kiện sản xuất và năng lực cốt lõi của các chủ thể, đặc biệt là nông hộ, nhằm tạo ra nhu cầu tự thân của họ trong liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.

Về cơ bản, phương cách sản xuất - tiêu thụ tôm tại địa bàn nghiên cứu phản ánh tính chất đặc trưng của nền sản xuất nhỏ, manh mún, phụ thuộc nhiều vào điều



kiện tự nhiên. Mặc dù là vùng trọng điểm sản xuất tôm nhưng diện tích bình quân chỉ xấp xỉ 1 ha/hộ nuôi, hầu hết là nuôi quảng canh truyền thống, thu hoạch nhỏ lẻ và không đồng loạt. Hệ thống cấp/thoát nước thải chưa được quy hoạch phù hợp để kiểm soát ô nhiễm và hạn chế lây lan dịch bệnh. Mạng lưới điện và giao thông nội đồng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất theo hướng hiện đại.

Trừ một tỷ lệ nhỏ tham gia hợp tác xã và tổ hợp tác, hầu hết các hộ nuôi tôm đều làm ăn cá thể. Mặc dù có một số lợi ích khi tham gia như được tiếp nhận kỹ thuật mới, vay vốn và một số hỗ trợ khác, các mô hình sản xuất tập thể này chưa tạo ra hiệu quả đủ sức thuyết phục các hộ nuôi cá thể. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện nay chưa tạo ra môi trường sản xuất mà đa số hộ nuôi tôm thấy cần thiết phải tham gia và có lợi ích thiết thực khi tham gia. Một cách khách quan, “lực lượng sản xuất” hiện tại chưa tạo ra sự thúc bách để thay đổi “quan hệ sản xuất”. Điều này cho thấy khó nhân rộng mô hình hợp tác xã nếu không tạo ra một môi trường vật chất tương ứng.

Do sản xuất nhỏ và nguồn lực yếu, hộ nuôi tôm không thể liên kết trực tiếp với doanh nghiệp cung ứng đầu vào và doanh nghiệp tiêu thụ đầu ra, mà hầu hết phải thông qua mạng lưới các cơ sở tư nhân và thương lái, trừ một số hợp đồng được hợp tác xã - đại diện cho các hộ xã viên ký kết với doanh nghiệp. Mạng lưới cơ sở tư nhân và thương lái có chân rết đến từng ấp và có nhiều hình thức linh hoạt để hộ nuôi tôm có thể mua những thứ cần thiết cho sản xuất và bán sản

phẩm của họ là sự tồn tại khách quan trong điều kiện sản xuất như hiện nay. Các mạng lưới này một mặt cũng đem lại lợi ích cho hộ nuôi nhưng mặt khác đó là một quan hệ kinh tế bất đối xứng, trong đó hộ nuôi hoàn toàn phụ thuộc vào các mạng lưới này vì họ có ít lựa chọn với nguồn lực quá nhỏ bé của mình, hoặc thậm chí là không có lựa chọn nào khi họ phải mua trước trả sau. Chất lượng của con giống, thức ăn, thuốc thú y,... chưa đảm bảo và nằm ngoài khả năng kiểm soát của hộ nuôi, trong khi nghề nuôi tôm phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố đầu vào này. Tương tự, hộ nuôi cũng phụ thuộc chủ yếu vào các cơ sở thu mua tại chỗ và thương lái khi họ thu hoạch với số lượng ít, không đồng loạt, và rải rác ở những nơi chỉ có thể di chuyển bằng các phương tiện nhỏ.

Nhìn chung, sự liên kết giữa các chủ thể trong quá trình sản xuất - tiêu thụ tôm còn lỏng lẻo và mới chỉ ở mức độ thấp. Vấn đề cơ bản để phát triển mối liên kết trực tiếp giữa doanh nghiệp với nông dân, loại bỏ dần các khâu trung gian, là phải xây dựng vùng nguyên liệu lớn và bền vững. Nếu không cải thiện tình trạng sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, không ổn định về số lượng và chất lượng thì khó mà xây dựng mối quan hệ ổn định, bền vững, và hưởng lợi công bằng giữa các chủ thể liên kết. Để tạo ra vùng nguyên liệu lớn và bền vững, cần xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất phù hợp và nâng cao năng lực cốt lõi của các chủ thể liên kết, nhưng chủ yếu là hộ nuôi tôm vì họ hoặc ít có nhu cầu liên kết hoặc quá yếu thế trong các liên kết hiện nay và thiếu năng lực liên kết. Các hợp tác xã, tổ hợp



tác sẽ không thể phát triển bền vững nếu chỉ dựa vào các hỗ trợ có hạn của Nhà nước mà thiếu các nguồn lực nội sinh để vận hành hiệu quả. Để tạo điều kiện và môi trường liên kết giữa các hộ nuôi cần xây dựng các “cánh đồng tôm lớn” với hệ thống cấp nước/thoát nước thải, điện sản xuất, và giao thông phù hợp. Không có các điều kiện trên, hộ nuôi không thấy sự cần thiết và các lợi ích khi liên kết với nhau, không thể giảm giá thành, tăng năng suất, nâng chất lượng sản phẩm, và tạo ra lợi thế về qui mô. Thiếu cơ sở hạ tầng và quy hoạch hiện đại không thể mở rộng mô hình nuôi công nghiệp vì sẽ làm tăng ô nhiễm và không thể kiểm soát được sự lan rộng của dịch bệnh.

Dịch bệnh là nguyên nhân quan trọng và lâu dài nhất gây ra tình trạng thiếu ổn định về số lượng và chất lượng tôm. Dịch bệnh càng tăng thì việc sử dụng các loại thuốc kháng sinh cũng càng tăng, tạo dư lượng thuốc trong tôm. Để cải thiện một cách căn cơ cần phải bảo vệ được môi trường nuôi thông qua việc đầu tư đúng mức cơ sở hạ tầng của vùng nuôi tôm. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ nuôi tôm sạch chỉ có thể phát huy trên cơ sở vật chất phù hợp. Cơ sở hạ tầng hiện đại giúp tăng qui mô, chất lượng, và tính tập trung của sản phẩm. Điều này không chỉ làm tăng giá bán mà còn loại bỏ các khâu giao dịch trung gian, đem lại lợi ích cho người nuôi tôm và doanh nghiệp chế biến tôm.

Là một sản phẩm tươi sống, giá trị tăng lên trong khâu chế biến tinh rất hạn chế, vì chủ yếu là sơ chế và đóng gói xuất khẩu. Do vậy, để tăng lợi nhuận cho các bên tham gia trong chuỗi giá trị, cần tập

trung vào việc giảm giá thành sản xuất và chi phí vận chuyển. Trong khi khâu vận chuyển có tính ổn định tương đối và ít ảnh hưởng đến chuỗi giá trị từ nơi sản xuất đến nơi chế biến do tôm có giá trị cao và có thể xuất khẩu toàn bộ sản phẩm thô (nên chi phí cho một đơn vị vận chuyển thấp), phân khúc giá trị trong khâu sản xuất và giao dịch hiện rất không ổn định và đây là khâu có thể giảm được nhiều chi phí để tăng lợi nhuận cho các bên tham gia. Giảm các khâu trung gian để giảm chi phí là một trong những giải pháp nhưng rõ ràng thương lái có vai trò không thể thiếu trong nền sản xuất nhỏ, phân tán, thiếu ổn định hiện nay. Giải pháp trong ngắn hạn là thúc đẩy các hoạt động liên kết giữa nông dân trong các hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm tăng qui mô, tính đồng bộ và cải thiện phần nào chất lượng sản phẩm; và tăng cường năng lực quản trị, giám sát thị trường để kiểm soát chất lượng con giống, vật tư, nguyên liệu. Giải pháp trong dài hạn là cần xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm hiện đại bao gồm nước, điện, cầu đường, trong đó hệ thống nước cấp và nước thải tách biệt là yếu tố quan trọng hàng đầu để kiểm soát dịch bệnh và tạo môi trường nuôi tôm sạch. Các lợi ích này tự thân sẽ liên kết các chủ thể trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm.

Các hạn chế trong liên kết và giải pháp thúc đẩy liên kết bền vững từ nghiên cứu trường hợp nói trên phản ánh nhiều vấn đề cơ bản đối với liên kết phát triển ngành sản xuất - tiêu thụ tôm trên toàn vùng. □

(Xem tiếp trang 69)



19. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2010. *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*. Nxb. Phương Đông.
20. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2012. *Nghiên cứu định tính trong khoa học xã hội – Một số vấn đề nhận thức luận, phương pháp luận và phương pháp*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
21. Pourtois, J-P, Desmet H., 2007. *Épistémologie et Instrumentation en Sciences Humaines*. Liège, Madaga.
22. Rawnsley, M. 1998. *Ontology, Epistemology and Methodology: a Clarification*". Nursing Science Quaterly, 11.
23. Remy, J., Ruquoi D. (eds). 1990. *Méthodes d'Analyse de Contenu et Sociologie*. Bruxelles: Publications des Facultés Universitaires Saint-Louis.
24. Ritzer, G. 2000. *Sociological Theory*. 5<sup>th</sup> ed., Mc GrawHill.
25. Sarantakos Sotirios. 1993. *Social Research*. Melbourne: Macmillan.
26. Saunders, M., Lewis P., Thornhill A. 2009. *Research Methods for Business Students*. 5<sup>th</sup> ed., Prentice Hall.
27. Walby, S. 2007. *Complexity Theory, Systems Theory and Mutiple Intersecting Social Inequalities*. Philosophy of Social Sciences, 37.

---

(Tiếp theo trang 34)

## LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ...

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hội Thủy sản xã Tân Duyệt. 2013. *Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng năm 2013*.
2. Lê Thanh Sang. Kết quả khảo sát Dự án Điều tra tổng thể tổng thể về liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. 2012-2014.
3. Phòng Nông nghiệp Phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi. 2013. *Số liệu tổng hợp tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản 2013*.
4. Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Dơi. 2013. *Quy hoạch nuôi tôm công nghiệp huyện Đầm Dơi*.
5. Ủy ban Nhân dân xã Tân Duyệt. 2011. *Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi*.